

**BẢO HIỂM TAI NẠN CÁ NHÂN THEO NHÓM - CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN
BẢNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**

Quyền lợi		Đơn vị 1	Đơn vị 2	Đơn vị 3	Đơn vị 4	Đơn vị 5	Đơn vị 6	Đơn vị 7	Đơn vị 8	Đơn vị 9	Đơn vị 10
TAI NẠN CÁ NHÂN	1. Tử vong và Thương tật vĩnh viễn do tai nạn Thanh toán trong trường hợp Tai nạn dẫn đến tử vong hoặc thương tật vĩnh viễn đối với Người được bảo hiểm	50,000,000 một người lớn	100,000,000 một người lớn	150,000,000 một người lớn	200,000,000 một người lớn	250,000,000 một người lớn	300,000,000 một người lớn	350,000,000 một người lớn	400,000,000 một người lớn	450,000,000 một người lớn	500,000,000 một người lớn
	2. Quỹ giáo dục trẻ em Thanh toán trong trường hợp tử vong do tai nạn của ba/mẹ hoặc của cả ba mẹ (tối đa 3 trẻ em)	5,000,000 một trẻ em	10,000,000 một trẻ em	15,000,000 một trẻ em	20,000,000 một trẻ em	25,000,000 một trẻ em	30,000,000 một trẻ em	35,000,000 một trẻ em	40,000,000 một trẻ em	45,000,000 một trẻ em	50,000,000 một trẻ em
	3. Trợ cấp tang lễ Thanh toán trong trường hợp tử vong do tai nạn của Người được bảo hiểm	1,000,000	2,000,000	3,000,000	4,000,000	5,000,000	6,000,000	7,000,000	8,000,000	9,000,000	10,000,000
CHI PHÍ Y TẾ	4. Chi phí y tế do tai nạn - Điều trị cấp cứu - Điều trị nội trú - Chi phí phẫu thuật - Điều trị ngoại trú - Điều trị sau khi nằm viện - Xe cấp cứu	10,000,000 một sự cố	20,000,000 một sự cố	30,000,000 một sự cố	40,000,000 một sự cố	50,000,000 một sự cố	60,000,000 một sự cố	70,000,000 một sự cố	80,000,000 một sự cố	90,000,000 một sự cố	100,000,000 một sự cố
MẤT THU NHẬP	5. Trợ cấp tuần lương Thanh toán trong trường hợp Người được bảo hiểm bị tai nạn cho thời gian Người được bảo hiểm không thực hiện được công việc	500,000 một tuần	1,000,000 một tuần	1,500,000 một tuần	2,000,000 một tuần	2,500,000 một tuần	3,000,000 một tuần	3,500,000 một tuần	4,000,000 một tuần	4,500,000 một tuần	5,000,000 một tuần
Nhóm nghề 1 & 2		145,000	290,000	435,000	580,000	725,000	870,000	1,015,000	1,160,000	1,305,000	1,450,000
Nhóm nghề 3		189,000	377,000	566,000	754,000	943,000	1,131,000	1,320,000	1,508,000	1,697,000	1,885,000

Nhóm nghề 1: thuần tuý nhân viên văn phòng, các công việc điều hành/thư kí/hành chính/giấy tờ v.v..., làm việc trong khu vực văn phòng.

Nhóm nghề 2: nhân viên kinh doanh, kỹ sư, giám sát sản xuất, v.v

Nhóm nghề 3: công nhân, tài xế, nhân viên lao động chân tay, nhân viên bảo vệ, v.v

Lưu ý: Chương trình này không áp dụng cho nghề nghiệp thuộc nhóm nghề 4 (công nhân xây dựng, công nhân sản xuất thép, thợ hàn, v.v)